

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-10-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly  
hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thúy Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 281/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố số 9, phường Ngọc Xuyên, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đàm Trung T; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Trung Lộc, phường Bàng La, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại Hàn Quốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

Chị và anh Đàm Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bàng La, quận ĐS, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 01 năm 2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với gia đình anh T tại Trung Lộc, phường Bàng La, quận ĐS, thành phố Hải Phòng một thời gian ngắn,

đến khoảng cuối năm 2018 thì anh T đi Hàn Quốc lao động, còn chị và con về nhà bố mẹ đẻ của chị sống từ đó đến nay. Kể từ khi anh T đi làm ăn xa, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng không còn tôn trọng, yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng sống xa nhau nên anh chị không có thời gian quan tâm, chia sẻ với nhau, tình cảm vợ chồng không còn được như trước. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh T ngày càng nghiêm trọng. Mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm và được gia đình hai bên tác động, khuyên giải nhưng không có kết quả. Đến nay, chị Nguyễn Thị Th xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Đàm Trung T đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Đàm Trung T có 01 con chung là cháu Đàm Huyền My, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2018. Khi ly hôn, chị Th đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về T sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về địa chỉ nơi cư trú hiện nay của anh Nghiêm Danh Cường: Anh Nghiêm Danh Cường có đăng ký hộ khẩu tại phường Bàng La, quận ĐS, thành phố Hải Phòng, ở cùng chị Phạm Thị Huệ. Chị Huệ cho biết hiện anh Cường đang làm việc ở Hàn Quốc, chị Huệ không biết địa chỉ cụ thể của anh Cường vì anh Cường không liên lạc với chị. Anh Cường đi sang Hàn Quốc từ năm 2018, từ đó chưa trở về Việt Nam. Anh Cường có liên lạc với gia đình anh Cường qua điện thoại và mạng xã hội.

*Trong biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Kỳ - mẹ đẻ của anh Đàm Trung T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kỳ là mẹ đẻ của anh Đàm Trung T. Anh T kết hôn với chị Nguyễn Thị Th, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bàng La ngày 18 tháng 01 năm 2018. Đến cuối năm 2018 anh T đi Hàn Quốc lao động nhưng không nói rõ địa chỉ ở đâu, từ đó đến nay chưa về Việt Nam. Sau khi anh T đi khoảng 01 tháng thì chị Th có xin phép về ngoại ở. Gia đình thấy anh T và chị Th bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh T không liên lạc, quan tâm đến vợ con. Anh T có liên lạc về với bố mẹ qua mạng xã hội và thừa nhận hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Nay chị Th có đề nghị ly hôn với anh T thì gia đình nhất trí. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Đàm Trung T có 01 con chung là cháu Đàm Huyền My, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2018, hiện cháu đang ở với chị Th. Sau khi ly hôn, chị Th đề nghị được nuôi con, gia đình ông bà đồng ý. Về T sản chung: Chị Th và anh T không có T sản chung.

Xác minh tại chính quyền địa phương: Anh Đàm Trung T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Trung Lộc, phường Bàng La, quận ĐS, thành phố Hải Phòng. Hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, hiện anh T đi đâu, làm gì địa phương không nắm được.

Xác minh tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thể hiện anh Đàm Trung T đã xuất cảnh gần nhất là ngày 16 tháng 9 năm 2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Do không tổng đạt được các văn bản tố tụng trực tiếp, Tòa án đã giao cho đại diện gia đình và chính quyền địa phương nhận đồng thời niêm yết tại tổ dân phố, tại UBND phường nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đàm Trung T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Đàm Trung T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Cần giao con chung là cháu Đàm Huyền My, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về T sản chung: Chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Th và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật, chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Th và anh Đàm Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 01 năm 2018. Chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Anh Đàm Trung T hiện đang cư trú tại nước ngoài. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Anh Đàm Trung T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Nguyễn Thị Th thống nhất với lời khai của đại diện gia đình về thời gian kết hôn, về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Đàm Trung T có mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm, lối sống. Từ năm 2018, anh Đàm Trung T sang Hàn Quốc làm việc, sinh sống từ đó đến nay không về. Hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã ly thân không ai còn quan tâm đến ai cả về tình cảm cũng như kinh tế, do khoảng cách địa lý xa xôi khó có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Như vậy việc chị Th xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Xét, quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh Đàm Trung T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Đàm Trung T có 01 con chung là cháu Đàm Huyền My, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2018. Khi ly hôn, chị Th đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu đã ở với chị Th từ nhỏ đến nay. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt của cháu My, cần chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về T sản chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cần xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Đàm Trung T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đàm Huyền My, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về T sản chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Đàm Trung T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số **0019887 ngày 20 tháng 7 năm 2021** tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Đàm Trung T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng
- UBND phường Bàng La, quận DS;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Bùi Thị Thúy Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Xuân Quyết    Nguyễn Thị Vinh**

**Bùi Thị Thúy Hà**

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng
- UBND huyện Kiến Thụy;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thúy Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Xuân Quyết    Nguyễn Thị Vinh**

**Bùi Thị Thúy Hà**













